

Số: 183 /TB-UBND

Bình Chánh, ngày 17 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO
**Kết quả điểm xét tuyển viên chức Trường Trung học cơ sở
Vĩnh Lộc B năm học 2019 – 2020**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 10005/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức Trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B năm học 2019 – 2020.

Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xét tuyển viên chức Trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B, tại Công văn số 16/HĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020,

Ủy ban nhân dân Huyện có ý kiến như sau:

1. Thông báo điểm xét tuyển viên chức Trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B năm học 2019 – 2020 đối với 51 ứng viên (đính kèm danh sách).

2. Giao Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B: Thực hiện niêm yết công khai kết quả xét tuyển tại trụ sở làm việc và trang thông tin điện tử của Trường; gửi thông báo kết quả xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. /.

Nơi nhận:

- TTUB (CT, PCT.VX);
- HĐXTVC Trường THCS Vĩnh Lộc B;
- P.NV, Trường THCS Vĩnh Lộc B;
- Ứng viên dự tuyển;
- CVP, PCVP(H);
- Lưu VT-TH, PNV.L.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thị Cẩm Nhung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
TRƯỜNG THCS VĨNH LỘC B NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Thông báo số 183/TB-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Huyện)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
I VỊ TRÍ VIỆC LÀM GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP															
1 Vị trí Giáo viên môn Sinh học															
01	Trịnh Văn Hạnh	04/06/1982		Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh A	Tin học B		0	5	5	Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Con đẻ của người bị nhiễm chất độc hóa học, tham gia chiến tranh. Vắng
02	Phạm Quang Trang	02/12/1994		Cử nhân	Sư phạm Sinh học	Anh B	Tin học B		88,9	0	88,9	Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
03	Nguyễn Thị An		19/03/1996	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	Anh bậc 3/6 (B1)	UDCNTT cơ bản		91,3	0	91,3	Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
2 Vị trí Giáo viên môn Vật lý															
01	Nguyễn Thị Thanh Thúy		20/02/1995	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Anh bậc 3/6 (B1)	UDCNTT cơ bản		80,6	0	80,6	Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
02	Nguyễn Thị Hồng Mến		17/10/1992	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Anh B	Tin học A		92,3	0	92,3	Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
03	Nguyễn Thị Mỹ		16/09/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Anh B	Tin học A		78,3	0	78,3	Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
04	Nguyễn Thị Thanh Thảo		17/01/1993	Cao đẳng	Sư phạm Vật lý	Anh B	Tin học A		87,9	0	87,9	Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
05	Ngô Thị Thanh Toàn		16/10/1991	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Anh C	UDCNTT cơ bản		84,6	0	84,6	Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
06	Hà Diệu Ngoan		04/02/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Anh B	Tin học A		80,9	0	80,9	Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
3	Vị trí Giáo viên môn Địa lý														
01	Trịnh Hồng Cẩm		12/05/1997	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	Anh A	Tin học A		0	0	0	Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Vắng
02	Nguyễn Thị Thanh Hiền		19/04/1997	Cao đẳng	Sư phạm Địa lý	Anh B	UDCNTT cơ bản		0	0	0	Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Vắng
03	Nguyễn Thị Hằng		06/01/1997	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	Anh TOEFL ITP 367	UDCNTT cơ bản		88,3	0	88,3	Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
4	Vị trí Giáo viên môn Kỹ thuật Nông nghiệp														
01	Phạm Bùi Tấn Tài	28/03/1996		Cao đẳng	Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	Anh B	UDCNTT cơ bản		95,3	0	95,3	Giáo viên Kỹ thuật Nông	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
02	Vũ Thị Thái		20/05/1990	Cử nhân	Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	Anh B	Tin học A		84,6	0	84,6	Giáo viên Kỹ thuật Nông	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
5	Vị trí Giáo viên môn Lịch sử														
01	Nguyễn Thị Ngọc Xuân		09/03/1992	Cao đẳng	Sư phạm Lịch sử	Anh B	Tin học A		78,9	0	78,9	Giáo viên Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
6	Vị trí Giáo viên môn Tiếng Anh														
01	Nguyễn Thị Yến		04/12/1989	Cao đẳng	Tiếng Anh Thương mại - Du lịch	Trung B	Tin học A	Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm	89,6	0	89,6	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
02	Lê Thành Trung	24/10/1994		Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh	Pháp B	Tin học A		94,3	0	94,3	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
7	Vị trí Giáo viên môn Âm nhạc														
01	Phạm Chí Dũng	20/03/1987		Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	Anh B	Tin học B		89,6	0	89,6	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
8	Vị trí Giáo viên môn Giáo dục công dân														
01	Phan Thị Hồng Nhung		03/02/1997	Cao đẳng	Giáo dục công dân	Anh B	UDCNTT cơ bản		0	0	0	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Vắng
02	Đặng Quốc Bình	04/09/1998		Cao đẳng	Giáo dục công dân	Anh B	UDCNTT cơ bản		85,6	0	85,6	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
03	Hoàng Thị Hằng		28/05/1985	Đại học	Sư phạm Chính trị	Anh B	UDCNTT cơ bản		77,9	0	77,9	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
04	Hồ Thanh Thái	21/07/1997		Cao đẳng	Giáo dục công dân	Anh B	UDCNTT cơ bản		0	0	0	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Vắng
05	Nguyễn Thị Thu An		02/10/1983	Cao đẳng	Giáo dục công dân	Anh B	Tin học A		82,3	0	82,3	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
06	Khâu Thị Kim Chúc		15/05/1997	Cao đẳng	Giáo dục công dân	Anh B	UDCNTT cơ bản		65,9	5	70,9	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Dân tộc thiểu số (dân tộc Khomer)
07	Nguyễn Thị Nguyên		20/01/1991	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Anh B	Tin học A		94,9	0	94,9	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
08	Nguyễn Thị Quý Ngọc		28/11/1990	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Anh B	Tin học B		65,3	0	65,3	Giáo viên GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
9	Vị trí Giáo viên môn Ngữ văn														
01	Trần Thị Kim Oanh		12/02/1994	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Anh B	Tin học B		67,6	0	67,6	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
02	Hoàng Thị Quyên		09/06/1990	Thạc sĩ Cử nhân	Ngôn Ngữ Học Ngữ văn	Anh B	Tin học B	Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm	81,6	0	81,6	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
03	Nguyễn Thị Phương Trà		16/11/1993	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Anh B	Tin học B		89,9	0	89,9	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
04	Trần Thị Tường Vi		14/02/1990	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Anh B	UDCNTT cơ bản		95,3	0	95,3	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
05	Bùi Thị Thao		18/06/1990	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Anh B	Tin học A		92,6	0	92,6	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
06	Cao Việt Chính	15/03/1993		Cao đẳng	Sư phạm Văn - Địa	Anh B	UDCNTT cơ bản		90,9	0	90,9	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
10	Vị trí Giáo viên môn Thể dục														
01	Lâm Vũ	07/10/1997		Cao đẳng	Giáo dục thể chất	Anh B	UDCNTT cơ bản		80,3	0	80,3	Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
02	Nguyễn Đình Sinh	24/12/1995		Cao đẳng	Giáo dục thể chất	Anh B	UDCNTT cơ bản		81,6	0	81,6	Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
03	Nguyễn Xuân Hoa		01/01/1987	Cử nhân	Giáo dục Thể chất	Anh B	Tin học A		87,6	0	87,6	Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
04	Huỳnh Văn Bình	15/09/1996		Cử nhân	Giáo dục Thể chất	Anh B	UDCNTT cơ bản		75,3	5	80,3	Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Dân tộc thiểu số (dân tộc Hoa)
11	Vị trí Giáo viên môn Toán														
01	Lê Thị Ánh		25/9/1996	Cử Nhân	Sư Phạm Toán học	Anh Toefl ITP 370	UDCNTT CB		82,3	0	82,3	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
02	Nguyễn Tuấn Dũng	19/03/1982		Cử nhân	Toán - Tin học	Anh B	Toán - Tin	Chứng chỉ lý luận dạy học và giáo dục	0	0	0	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Vắng

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
03	Tạ Thị Hà		26/07/1992	Thạc sĩ	Phương pháp toán sơ cấp	Anh B	UDCNTT cơ bản	Cử nhân SP Toán	85,3	0	85,3	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
04	Phạm Ngọc Quân	26/9/1989		Thạc sĩ	Phương pháp toán sơ cấp	Anh B	Tin học B	Cử nhân SP Toán	83,6	0	83,6	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
05	Phan Thị Thu Trinh		04/01/1995	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Anh B	Tin học A		77,9	0	77,9	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
06	Huỳnh Mỹ Ngân		11/06/1995	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh C	UDCNTT cơ bản		88,6	0	88,6	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
07	Nguyễn Thành Mỹ	06/03/1988		Cử nhân	Sư Phạm Toán học	Anh B	Tin học B		78,3	5	83,3	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Con đẻ của người bị nhiễm chất độc hóa học, tham gia chiến tranh
08	Lê Văn Sinh	12/10/1996		Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh B	Tin học B		86,9	0	86,9	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
09	Trương Văn Tư	10/03/1997		Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh B	UDCNTT cơ bản		92	5	97	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Dân tộc thiểu số (dân tộc Tày)
10	Lê Văn Hưng	08/04/1982		Đại học	Toán - Tin học	Anh B	Đại học Toán - Tin	Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm bậc 1	78,6	0	78,6	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
11	Đoàn Tiến Dũng	06/06/1995		Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh B	UDCNTT cơ bản		87,3	0	87,3	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
12	Mai Thị Thúy Kiều		19/4/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh B	Tin học B		84,6	0	84,6	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm			Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Ghi chú
		Nam	Nữ						Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1)	Điểm ưu tiên (nếu có) (2)	Tổng cộng điểm (1) + (2)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	
13	Đỗ Thị Bích Liên		22/03/1994	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Anh B	Tin học A		81,3	0	81,3	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
14	Lưu Thị Mến		24/8/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh B	Tin học B		90,3	0	90,3	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
15	Châu Huỳnh Như		12/02/1996	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Anh A2	UDCNTT cơ bản		0	0	0	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Vắng

Tổng cộng danh sách có 51 người. *[Signature]*

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH